

10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN SINH 9 NĂM 2019-2020

1. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 1

TRƯỜNG THCS LƯƠNG TẤN THỊNH

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH 9

NĂM: 2019-2020

THỜI GIAN: 45 PHÚT

Phần I: Trắc nghiệm.

Câu 1. Ở chó, lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài. P: Chó lông ngắn x lông dài thu được F1. Những trường hợp nào sau đây là kết quả của F1.

- a. 1 L. ngắn: 1 L. dài.
- b. Toàn lông ngắn.
- c. Toàn lông dài.
- d. 3 L. ngắn: 1 L. dài.

Câu 2. Cho sơ đồ lai sau: $AABB \times aabb \Rightarrow F1AaBb$. kết quả sai ở giao tử F1 là.

- a. Ab.
- b. aB.
- c. Aa
- d. AB.

Câu 3. Thế nào là phép lai phân tích.

- a. Là phép lai giữa các cá thể mang kiểu gen dị hợp.
- b. Là phép lai giữa các cá thể mang kiểu hình trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang kiểu hình lặn.
- c. Là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội dị hợp với cá thể mang tính trạng lặn.
- d. Cả a, b & c.

Câu 4. Khi lai hai bố mẹ thuần chủng khác nhau về hai cặp tính trạng tương phản thì.

- a. Sự phân li của các cặp tính trạng độc lập với nhau.
- b. F₁ phân li kiểu hình theo tỷ lệ 3 trội : 1 lặn.
- c. F₂ có tỉ lệ mỗi kiểu hình bằng tích tỉ lệ các tính trạng hợp thành nó.
- d. Cả a, b & c.

Câu 5. ADN nguyên phân dựa trên nguyên tắc.

- Nguyên tắc bổ sung.
- Nguyên tắc bán bảo toàn.
- Nguyên tắc khuôn mẫu.
- Cả a, b & c.

Câu 6. Một cơ thể mang hai gen không giống nhau được gọi là.

- Thể dị hợp.
- Thể đồng hợp.
- Cơ thể lai.
- Thể đồng tính.

Phần II: Tự luận.

Câu 7: Ở cá kiếm tính trạng mắt đen là trội hoàn toàn so với tính trạng mắt đỏ. Cho cá kiếm mắt đen thuần chủng lai với cá kiếm mắt đỏ thu được F₁ toàn cá kiếm mắt đen. Cho F₁ tự giao phối thu được F₂.

- Xác định kiểu gen của P.
- Viết sơ đồ lai từ P đến F₂.
- Để biết cá kiếm mắt đen thuần chủng hay không ta làm thế nào.

Câu 8: Một phân tử ADN có 300 Nu loại A, 200 Nu loại G. Hãy tìm số lượng các loại nu?

Câu 9: Trình bày cơ chế NST xác định giới tính ở người? Tại sao tỉ lệ con trai và con gái sinh ra là xấp xỉ 1:1?

ĐÁP ÁN

Phần I: Trắc nghiệm

1 - b 2 - c 3 - b 4 - c 5 - d 6 - a

Phần I: Tự luận

Câu 7:

- Xác định kiểu gen của P

Gọi gen A quy định tính trạng mắt đen \Rightarrow Cá kiếm mắt đen thuần chủng có kiểu gen là AA.

Gọi gen a quy định tính trạng mắt đỏ \Rightarrow Cá kiếm mắt đỏ thuần chủng có kiểu gen là aa.

- Viết sơ đồ lai từ P đến F₂. Theo bài ra ta có sơ đồ lai:

P_{tc}: Cá kiểm mắt đen x Cá kiểm mắt đỏ.

AA aa

GP: A a

F₁ Aa 100% Mắt đen

F₁ x F₁: Aa x Aa

GF₁: A, a A, a

	A	A
A	AA (Mắt đen)	Aa (Mắt đen)
a	Aa (Mắt đen)	aa (Mắt đỏ)

Vậy kết quả ở F₂:

Kiểu gen: 1AA: 2Aa: 1aa.

Kiểu hình: 3 Cá kiểm mắt đen: 1 Cá kiểm mắt đỏ.

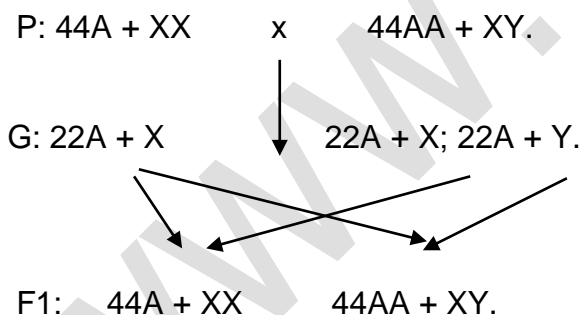
c. Để biết cá kiểm mắt đen thuần chủng hay không ta dùng phép lai phân tích.

Câu 8:

Theo nguyên tắc bù xung ta có: A = T, G = X.

Vậy theo bài ra ta có: A = T = 300 Nu. G = X = 200 Nu

Câu 9: Cơ chế NST xác định giới tính ở người:



Tỉ lệ con trai & con gái sinh ra là xấp xỉ 1:1

Khi giảm phân hình thành giao tử, con trai cho 2 loại giao tử (2 tinh trùng)

22A + X; 22A + Y mỗi loại chiếm 50%, con gái cho 1 loại giao tử (trứng).

Khi thụ tinh có sự tổ hợp giữa 2 tinh trùng & trứng hình thành 2 tổ hợp giao tử

44A + XX và 44AA + XY với tỉ lệ 1: 1.

2. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 2

TRƯỜNG THCS TRẦN NHÂN TÔNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.

Năm học 2019 - 2020

Lớp 9

Môn: Sinh học.

Thời gian làm bài: 45 phút

A. Trắc nghiệm: Em hãy ghi vào bài làm các đáp án mà em cho là đúng nhất.

Câu 1: Đặc điểm của giống thuần chủng là:

- A. Dễ gieo trồng
- B. Có khả năng sinh sản mạnh
- C. Có đặc tính di truyền đồng nhất, các thế hệ sau giống các thế hệ trước.
- D. Nhanh tạo ra kết quả trong thí nghiệm.

Câu 2: Trong chu kì tế bào sự tự nhân đôi của NST xảy ra ở kì nào?

- A. Kì cuối
- B. Kì giữa
- C. Kì sau
- D. Kì trung gian

Câu 3. Sự tiếp hợp của các NST kép tương đồng diễn ra ở kì nào trong giảm phân I?

- A. Kì cuối
- B. Kì sau
- C. Kì giữa
- D. Kì đầu

Câu 4: Sự tự nhân đôi của ADN có ý nghĩa với sinh vật?

- A. Tạo ra 2 ADN con giống mẹ.
- B. Tăng số lượng nuclêôtit.
- C. Là cơ sở phân tử của di truyền và sinh sản.
- D. Tăng thành phần nuclêôtit.

Câu 5: Tính đặc thù của mỗi loại prôtêin do yếu tố nào quy định.

- A. Thành phần, số lượng, trình tự axit amin.
- B. Số lượng nuclêôtit.
- C. Thành phần nuclêôtit.
- D. Thành phần axit amin.

Câu 6: Ở người, gen A quy định mắt đen trội hoàn toàn so với gen a quy định mắt xanh. Mẹ và bố phải có kiểu gen và kiểu hình nào trong các trường hợp sau để sinh con ra có người mắt đen, có người mắt xanh?

- A. Mẹ mắt đen (AA) x Bố mắt xanh (aa).
 B. Mẹ mắt đen (Aa) x Bố mắt đen (Aa).
 C. Mẹ mắt xanh (aa) x Bố mắt đen (Aa).
 D. Mẹ mắt đen (Aa) x Bố mắt đen (AA).

B. Tự luận:

Câu 1: Trình bày đối tượng, nội dung và ý nghĩa của di truyền học.

Câu 2:

a. Loài cải bắp có bộ NST lưỡng bội $2n = 18$. Hợp tử của loài trải qua nguyên phân. Hãy cho biết có bao nhiêu NST, crômatit ở kì giữa và kì sau.

b. Cho đoạn gen có trình tự các Nu trên mạch gốc như sau:

- T - G - X - A - A - T - X - G - A - T -

Hãy viết trình tự các Nu trên phân tử ARN được tổng hợp từ mạch gốc trên?

Câu 3: Giải thích vì sao 2 ADN con được tạo ra qua cơ chế nhân đôi lại giống ADN mẹ.

Câu 4: Quan niệm cho rằng sinh con trai hay con gái là do phụ nữ có đúng không? Giải thích?

ĐÁP ÁN

A. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	D	A,C	A	B, C

B. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung
Câu 1 (2,5điểm)	- Đối tượng nghiên cứu di truyền là nghiên cứu bản chất và tính quy luật của hiện tượng di truyền. - Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu cơ sở vật chất, cơ chế di truyền, tính quy luật của hiện tượng di truyền và biến dị.

	- Biến dị và di truyền là cơ sở của chọn giống, phát hiện các nguyên nhân, cơ chế của bệnh, tật di truyền.									
Câu 2 (2 điểm)	<p>a.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Kì</th> <th>Số NST</th> <th>Số crômatit</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kì giữa</td> <td>18 kép</td> <td>36</td> </tr> <tr> <td>Kì sau</td> <td>36 đơn</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>b. Trình tự các Nu trên ARN là: - A - X - G - U - U - A - G - X - U - A -</p>	Kì	Số NST	Số crômatit	Kì giữa	18 kép	36	Kì sau	36 đơn	0
Kì	Số NST	Số crômatit								
Kì giữa	18 kép	36								
Kì sau	36 đơn	0								
Câu 3 (1,5 điểm)	<p>- Các nuclêôtit trên mỗi mạch đơn được liên kết với các nuclêôtit tự do ở môi trường nội bào theo NTBS.</p> <p>- Trong mỗi phân tử AND con sẽ có 1 mạch đơn cũ và một mạch đơn mới.</p>									
Câu 4 (1 điểm)	- Không đúng, vì theo cơ chế xác định giới tính thì bố khi giảm phân cho 2 loại giao tử X và Y, mẹ giảm phân chỉ cho 1 loại giao tử X → Sự kết hợp 2 loại tinh trùng của bố với trứng của mẹ tạo nên hợp tử XX hoặc XY.									

3. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 3

TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CHINH

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH 9

NĂM HỌC: 2019-2020

THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

Câu 1. Đặc điểm nào dưới đây của đậu Hà lan thuận lợi cho nghiên cứu di truyền học?

- A. Thời gian sinh trưởng không dài.
- B. Có thể tiến hành giao phấn giữa các cơ thể khác nhau
- C. Tự thụ phấn chặt chẽ.
- D. Dễ gieo trồng

Câu 2. Kết quả lai 1 cặp tính trạng trong thí nghiệm của Mendel cho tỉ lệ kiểu hình ở F₂ là

- A. 2 trội : 1 lặn.
- B. 1 trội : 1 lặn
- C. 3 trội : 1 lặn.
- D. 4 trội : 1 lặn.

Câu 3. Cho giao phấn giữa cây hoa đỏ thuần chủng với cây hoa trắng được F_1 hoa đỏ, cho F_1 tự thụ phấn thì kiểu hình ở cây F_2 là 3 hoa đỏ : 1 hoa trắng

Cách lai nào sau đây không xác định được kiểu gen của cây hoa đỏ F_2 ?

- A. Cho cây hoa đỏ tự thụ phấn.
- B. Lai cây hoa đỏ F_2 với cây F_1
- C. Lai cây hoa đỏ F_2 với cây hoa đỏ ở P.
- D. Lai phân tích cây hoa đỏ F_2

Câu 4. Trong phân bào lần I của giảm phân, ở kì đầu diễn ra sự kiện nào?

- A. Các cặp NST tương đồng tập trung và xếp song song thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.
- B. Các cặp NST kép tương đồng phân li độc lập với nhau về 2 cực của tế bào.
- C. Các NST kép co ngắn, đóng xoắn.
- D. Các NST kép nằm gọn trong 2 nhân mới được tạo thành với số lượng là bộ đơn bội.

Câu 5. Ý nghĩa thực tiễn của sự di truyền liên kết hoàn toàn là gì?

- A. Để xác định số nhóm gen liên kết
- B. Đảm bảo sự di truyền bền vững của các tính trạng.
- C. Đảm bảo sự di truyền ổn định của nhóm gen quý, nhờ đó người ta chọn lọc đồng thời được cả nhóm tính trạng có giá trị
- D. Để xác định được số nhóm gen liên kết của loài.

Câu 6. Nguyên tắc bổ sung trong cấu trúc của ADN dẫn đến kết quả là

- A. $A = G$; $T = X$
- B. $A/T = G/X$
- C. $A + T = G + X$
- D. $A = X$; $G = T$

Câu 7. Gen b có 2400 nuclêôtit, có hiệu của A với loại nuclêôtit khác là 30% số nuclêôtit của gen. Quá trình tự nhân đôi từ gen b đã diễn ra liên tiếp 3 đợt. Số nuclêôtit từng loại trong tổng số gen mới được tạo thành ở đợt tự nhân đôi cuối cùng là bao nhiêu?

- A. $G = X = 1960$ nuclêôtit, $A = T = 7640$ nuclêôtit.

B. G = X = 1980 nuclêôtit, A = T= 7620 nuclêôtit.

C. G = X = 1920 nuclêôtit, A = T= 7680 nuclêôtit.

D. G = X = 1940 nuclêôtit, A = T= 7660 nuclêôtit.

Câu 8. Sự biểu hiện kiểu hình của đột biến gen trong đời cá thể như thế nào?

A. Đột biến gen trội biểu hiện khi ở thể đồng hợp và dị hợp.

B. Đột biến gen lặn không biểu hiện được.

C. Đột biến gen trội chỉ biểu hiện khi ở thể đồng hợp.

D. Đột biến gen lặn chỉ biểu hiện ở thể dị hợp.

Câu 9. Những loại đột biến gen nào xảy ra làm thay đổi thành phần các nuclêôtit nhiều nhất trong các bộ ba mã hoá của gen?

A. Thay thế 1 cặp nuclêôtit ở vị trí số 1 và số 3 trong bộ ba mã hoá.

B. Mất 1 cặp nuclêôtit, thay thế 1 cặp nuclêôtit.

C. Thêm 1 cặp nuclêôtit, thay thế 1 cặp nuclêôtit.

D. Thêm 1 cặp nuclêôtit, mất 1 cặp nuclêôtit.

Câu 10. Điều nào không đúng với ưu điểm của thể đa bội so với thể lưỡng bội ?

A. Phát triển khoẻ hơn.

B. Độ hữu thụ kém hơn.

C. Cơ quan sinh dưỡng lớn hơn.

D. Có sức chống chịu tốt hơn.

II. Phân tự luận

Câu 1: Hoàn thành bảng sau về bản chất và ý nghĩa của các quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

Các quá trình	Bản chất	Ý nghĩa
Nguyên phân		
Giảm phân		
Thụ tinh		

Câu 2: Một đoạn mARN có trình tự các nuclêôtit:

UUAXUAAUUXGA

1. Xác định trình tự các nuclêôtit trên mỗi mạch đơn của gen tổng hợp ra mARN.

2. Đoạn mARN trên tham gia tạo chuỗi axit amin, xác định số axit amin trong chuỗi được hình thành từ đoạn mạch mARN.

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm

1	2	3	4	5
B	C	D	C	C
6	7	8	9	10
C	C	A	D	B

II. Phần tự luận

Câu 1:

Các quá trình	Bản chất	Ý nghĩa
Nguyên phân	Giữ nguyên bộ NST, nghĩa là 2 tế bào con được tạo ra có 2n giống như tế bào mẹ	Duy trì ổn định bộ NST trong sự lớn lên của cơ thể và ở những loài sinh sản vô tính
Giảm phân	Làm giảm số lượng NST đi một nửa, nghĩa là các tế bào con được tạo ra có số lượng NST (n) bằng một nửa của tế bào mẹ (2n)	Góp phần duy trì ổn định bộ NST qua các thế hệ ở những loài sinh sản hữu tính và tạo nguồn biến dị tổ hợp
Thụ tinh	Kết hợp 2 bộ nhân đơn bội (n) thành bộ nhân lưỡng bội (2n)	Góp phần duy trì ổn định bộ NST qua các thế hệ ở những loài sinh sản hữu tính và tạo nguồn biến dị tổ hợp

Câu 2:

Trình tự các nuclêôtit trên mỗi mạch đơn của gen:

Mạch mARN: UUAXUAAUUXGA

mạch khuôn: AATG ATTAAGXT

mạch bổ sung: TTAXT AAT TXGA

Số axit amin trong chuỗi được hình thành từ đoạn mạch mARN

12:3 = 4 axit amin

4. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 4

TRƯỜNG THCS BIÊN GIỚI

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG GIỮA HKI

Năm học: 2019 – 2020

Môn: Sinh học - Lớp 9

Thời gian: 45 phút (cả thời gian phát đề)

I. Phần trắc nghiệm

Hãy chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Nhiễm sắc thể là cấu trúc có ở :

- A. bên ngoài tế bào
- B. trong các bào quan
- C. trong nhân tế bào
- D. trên màng tế bào

Câu 2: Ý nghĩa của nguyên phân là gì?

- A) Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể.
- B) Nguyên phân duy trì sự ổn định bộ nhiễm sắc thể đặc trưng qua các thế hệ tế bào.
- C) Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào.
- D) Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể, đồng thời duy trì ổn định bộ nhiễm sắc thể đặc trưng qua các thế hệ tế bào.

Câu 3: Ở lúa nước $2n = 24$ một tế bào đang ở kì sau của nguyên phân có số lượng nhiễm sắc thể là bao nhiêu?

- A. 24
- B. 48
- C. 12
- D. 96

Câu 4: Một prôtêin có cấu trúc bậc 4 gồm hai chuỗi axit amin tạo thành. Chuỗi A có 300 axit amin, chuỗi B có 450 axit amin. Khi tổng hợp prôtêin này, cần bao nhiêu nuclêôtit tự do để tổng hợp mARN.

- A. 2250 nuclêôtit
- B. 750 nuclêôtit
- C. 1500 nuclêôtit
- D. 4500 nuclêôtit

II. Phần tự luận

Câu 1: Nêu bản chất hóa học và chức năng của gen ?

Câu 2: Trên 1 mạch của 1 đoạn gen có trật tự các nu như sau:

... A G G X T A T A X X G A G X A X ...

a. Viết trật tự các nu của đoạn mạch còn lại tương ứng với đoạn mạch đã cho .

b. Xác định số lượng từng loại nu của đoạn gen nói trên

Câu 3: Có 1 hợp tử nguyên phân liên tiếp 2 lần và đã sử dụng của môi trường tương đương với 138 NST đơn. Xác định:

a. Tên của loài nói trên

b. Số TB con được tạo ra và số NST có trong các TB con

Câu 4: Gen có $L = 0,468Mm$ và có $G = 15\%$. Xác định số lượng và tỉ lệ từng loại nu của gen.

Biết $1 Mm = 10^4 A^0$

ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<u>TRẮC NGHIỆM</u>	2đ
1 – C;	0,5đ
2 – D;	0,5đ
3 – B;	0,5đ
4 – A;	0,5đ
<u>TỰ LUẬN</u>	
Câu 1:	4đ
- Bản chất hoạt hóa của gen là ADN – mỗi gen cấu trúc là một đoạn mạch của phân tử ADN, lưu giữ thông tin quy định cấu trúc của một loại protein.	1đ
- ADN có 2 chức năng quan trọng là lưu giữ và truyền đạt thông tin di truyền.	1đ
Câu 2:	2đ
a. ...TXXGATATGGXTXGTG...	1đ
b. $A = T = 7$ (nu) : $G = X = 9$ (nu)	1đ
Câu 3:	2đ
a.	1đ
- Gọi $2n$ là bộ NST lưỡng bội của loài cần tìm($2n > 0$, $2n$ chẵn)	0,5 đ
- Số NST môi trường đã cung cấp cho hợp tử nguyên phân 2 lần là:	0,5đ
$2n(2^2-1)=138 \leftrightarrow 2n \cdot 3= 138 \leftrightarrow 2n= 46$ (người)	
b.	1đ
- Số TB được tạo ra sau 2 lần nguyên phân là: $2^2= 4$ (TB)	0,5đ

Câu 6: Chuỗi axit amin tạo vòng xoắn lò xo trong cấu trúc bậc mấy của phân tử prôtêin ?

- A. Bậc 1. B. Bậc 2. C. Bậc 3 D. Bậc 4.

Câu 7: Ý nghĩa của biến dị tổ hợp trong chọn giống và tiến hoá

- A. Là nguồn nguyên liệu phong phú cho chọn giống và tiến hoá
 B. Là nguồn giống thuần chủng trong chọn giống và tiến hoá
 C. Là nguồn gen giống bố mẹ cần được duy trì và bảo tồn
 D. Không mang lại ý nghĩa gì

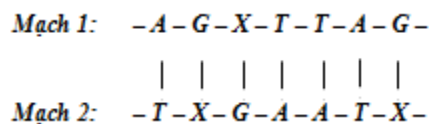
Câu 8: Hoạt động cơ bản của NST trong kì trung gian của nguyên phân:

- A. Đóng xoắn, tự nhân đôi thành NST kép C. Đóng xoắn, phân đôi thành NST đơn
 B. Duỗi xoắn, tự nhân đôi thành NST kép D. Duỗi xoắn, phân đôi thành NST đơn

Câu 9: Loại ARN có chức năng truyền đạt thông tin về protein cần tổng hợp là:

- A. tARN B. mARN C. rARN D. Cả 3 loại ARN trên

Câu 10: Cho đoạn mạch ADN có cấu trúc như sau:



Hãy xác định trình tự đoạn ARN được tổng hợp từ mạch 2 của đoạn ADN trên

- A. – A – G – X – T – T – A – G –
 B. – T – X – G – A – A – T – X –
 C. – A – G – X – U – U – A – G –
 D. – U – G – X – U – U – U – G –

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Nêu sự khác nhau giữa nguyên phân và giảm phân ?

Câu 2: Mô tả sơ lược quá trình tự nhân đôi của phân tử ADN và các nguyên tắc của quá trình này?

Câu 3: Ở đậu Hà Lan tính trạng quả lục là trội hoàn toàn so với tính trạng quả vàng. Cho cây đậu Hà Lan quả lục thuần chủng thụ phấn với đậu Hà Lan quả vàng.

a) Hãy xác định kết thu được ở F_1 ?

b) Cho 2 cây F_1 tự thụ phấn. Xác định kiểu gen và kiểu hình ở F_2 ?

ĐÁP AN

I/ Phần tự luận:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	A	B	A,D	B,C	C	B	A	B	B	C
Điểm	0,25	0,25	0,5	0,5	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25

II/ Phần tự luận:

Câu 1: (2 đ)

- Nêu được 4 ý khác nhau giữa nguyên phân và giảm phân. Mỗi ý (0,25 đ)

Câu 2: (2 đ)

- Mô tả được quá trình tự nhân đôi của phân tử ADN (0,5 đ)

- Nguyên tắc : + Nêu được NTBS (0,25 đ)

+ Nêu được NT giữ lại 1 nửa (hay bán bảo toàn) (0,25 đ)

Câu 3: (3 đ)

- Qui ước gen (0,5 đ)

- Xác định KG của P (0,5 đ)

- Xác định kết quả KG và KH ở F_1 Mỗi ý (0,25 đ)

- Xác định kết quả KG và KH ở F_2 Mỗi ý: (0,25 đ)

6. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 6

TRƯỜNG THCS DUY TÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 9

NĂM HỌC: 2019-2020

THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. Phần tự luận (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

NST giới tính và NST thường có điểm gì khác nhau ?

Câu 2 (4 điểm)

Hiện tượng phân li độc lập và liên kết gen khác nhau như thế nào ?

II. Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Đặc điểm quan trọng nhất của quá trình nguyên phân là gì ?

- A. Sự phân chia đều chất nhân cho 2 tế bào con
- B. Sự phân chia đều chất tế bào cho 2 tế bào con
- C. Sự phân li đồng đều của cặp NST về 2 tế bào con
- D. Sự sao chép bộ NST của tế bào mẹ sang 2 tế bào con

2. Trong giảm phân I, đặc điểm ở kì giữa là

- A. các NST kép co ngắn, đóng xoắn
- B. các cặp NST kép tương đồng tập trung và xếp thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.
- C. các cặp NST kép tương đồng phân li độc lập với nhau về 2 cực của tế bào
- D. các NST kép nằm gọn trong 2 nhân mới được tạo thành với số lượng là bộ đơn bội.

3. Ở đa số các loài, giới tính được xác định ở thời điểm nào?

- A. Trước khi thụ tinh, do tinh trùng quyết định.
- B. Trước khi thụ tinh, do trứng quyết định.
- C. Trong khi thụ tinh.
- D. Sau khi thụ tinh do môi trường quyết định.

4. Từ một hợp tử phát triển thành một cơ thể hoàn chỉnh nhờ các quá trình

- A. nguyên phân và phân hoá tế bào.
- B. nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.
- C. thụ tinh và phân hoá tế bào.
- D. nguyên phân và sự phân hoá về chức năng của các tế bào.

5. Câu đúng về NST là?

- A. NST chỉ có chức năng mang gen quy định các tính trạng di truyền.
- B. sự tự nhân đôi của từng NST cùng với sự phân li trong quá trình phát sinh giao tử và tổ hợp trong thụ tinh của các cặp NST tương đồng là cơ chế di truyền các tính trạng.
- C. NST là thành phần cấu tạo chủ yếu để hình thành tế bào
- D. NST không có khả năng tự nhân đôi.

Câu 2 (1,5 điểm)

Chọn từ, cụm từ phù hợp trong số những từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Mỗi NST thường giữ vững cấu trúc riêng biệt của nó và duy trì liên tục qua các thế hệ tế bào. Tuy nhiên, hình thái của nó thay đổi theo chu kì tế bào: từ....(1).....ở kì trung gian, chuyển sang bắt đầu....(2).....rồi đóng xoắn cực đại. Sau đó, NST lại(3)... ở kì cuối.

- A. duỗi
- B. xoắn
- D. đóng xoắn
- C. dạng sợi mảnh

ĐÁP ÁN

I. Phần tự luận:

Câu 1:

Điểm khác nhau giữa NST thường và NST giới tính.

NST thường	NST giới tính
<p>Mang gen quy định các tính trạng thường</p> <p>NST thường gồm nhiều cặp NST, luôn tồn tại thành từng cặp NST tương đồng. Giống nhau giữa giống đực và giống cái.</p> <p>Ví dụ: ở người có 46 chiếc NST thì có 23 cặp. Trong đó có 22 cặp NST thường. Kí hiệu là A (23A)</p>	<p>Mang gen quy định các tính trạng liên quan và không liên quan đến giới tính.</p> <p>Còn NST giới tính chỉ tồn tại có 1 cặp, đồng dạng ở giới đực hay giới cái tùy thuộc vào loài. Khác nhau giữa giống đực và giống cái.</p> <p>Ví dụ: ở người có 46 chiếc NST thì có 23 cặp. Trong đó có 1 cặp là cặp NST giới tính. Một giới kí hiệu là XX còn một giới còn lại là XY.</p>

Câu 2 (4 điểm)

Điểm khác nhau giữa hiện tượng phân li độc lập và liên kết gen:

Phân li độc lập	Liên kết gen
- Là hiện tượng các sen trên các NST phân li độc lập nhau trong quá trình	- Là hiện tượng các gen trên cùng mỗi NST phân li cùng nhau trong quá trình phân bào và cùng được tổ hợp trong

<p>phân bào và được tổ hợp tự do trong quá trình thụ tinh.</p> <p>Hiện tượng các gen luôn phân li độc lập với nhau vì các gen này nằm trên các cặp NST khác nhau.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>+ Cho đậu F1 hạt vàng, trơn lai phân tích với đậu hạt xanh nhăn, kết quả thu được 4 kiểu hình với tỉ lệ bằng nhau là: vàng, trơn; vàng, nhăn; xanh, trơn; xanh, nhăn.</p> <p>+ Đời con thu được bốn kiểu hình, chứng tỏ F1 cho ra bốn loại giao tử.</p> <p>+ Sự phân li của cặp nhân tố di truyền Bb không phụ thuộc vào sự phân li của cặp Aa. Sự phân li độc lập của các cặp nhân tố di truyền Aa và Bb là cơ chế của sự di truyền độc lập các cặp tính trạng.</p>	<p>quá trình thụ tinh. Các gen này hợp thành một nhóm gen liên kết, số nhóm gen liên kết ứng với số NST đơn có trong giao tử.</p> <p>Hiện tượng các gen luôn phân li cùng nhau vì các gen này cùng nằm trên 1 NST.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>+ Cho ruồi đực mình xám, cánh dài ở F1 lai với ruồi cái mình đen, cánh cụt (lai phân tích), kết quả lai chỉ cho ra hai loại kiểu hình là: ruồi xám, cánh dài và ruồi đen, cánh cụt.</p> <p>+ Đời con chỉ thu được hai kiểu hình, chứng tỏ ruồi cái đực chỉ cho ra hai loại giao tử.</p> <p>+ Trong quá trình giảm phân : hai gen B và V luôn phân li cùng nhau ; b và V cũng thế ; hiện tượng này gọi là hiện tượng liên kết gen.</p>
---	---

II. Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

1	2	3	4	5
A	B	C	D	B

Câu 2 (1,5 điểm)

1	2	3
C	B	A

7. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 7

TRƯỜNG THCS HÙNG VƯƠNG

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH 9
NĂM HỌC: 2019-2020
THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1 (3 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Giảm phân khác nguyên phân ở điểm cơ bản nào?

- A. Nguyên phân là hình thức sinh sản của tế bào sinh dưỡng; giảm phân là hình thức sinh sản của tế bào sinh dục xảy ra ở thời kì chín của tế bào này.
- B. Ở nguyên phân có 1 lần phân chia và một lần nhân đôi NST; ở giảm phân, tế bào có hai lần phân chia nhưng có một lần nhân đôi.
- C. Nguyên phân ít có sự tiếp hợp và trao đổi chéo giữa hai crômatit trong cặp NST kép tương đồng, còn giảm phân thì có.
- D. Ở kì sau của nguyên phân có sự phân li đồng đều của các NST đơn về 2 cực của tế bào; ở kì sau của giảm phân 1 có sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các NST kép trong các cặp tương đồng.

2. Trong quá trình phân bào, sự tháo (duỗi) xoắn của NST có ý nghĩa gì?

- A. Giúp cho chiều dài của NST tăng lên.
- B. Giúp cho sự phân li và tổ hợp của NST trong quá trình phân bào thuận lợi hơn.
- C. Giúp NST có thể thực hiện được quá trình nhân đôi.
- D. Cả B và C.

3. NST ở trạng thái duỗi xoắn nhiều nhất ở

- A. kì đầu của nguyên phân.
- B. kì giữa của phân bào.
- C. kì sau của phân bào.
- D. kì cuối của giảm phân.

4. Ý nghĩa của di truyền liên kết là gì?

- A. Di truyền liên kết được vận dụng để chọn những nhóm tính trạng tốt luôn di truyền với nhau
- B. Di truyền liên kết được vận dụng trong xây dựng luật Hôn nhân và gia đình
- C. Di truyền liên kết được sử dụng để xác định kiểu gen của các cơ thể đem lai
- D. Cả A và B

5. Cho 2 thứ đậu thuần chủng hạt trơn, không có tua cuốn và hạt nhăn, có tua cuốn giao phấn với nhau được F1 toàn hạt trơn, có tua cuốn. Cho F1 tiếp tục giao phấn với nhau được F2 có tỉ lệ : 1 hạt trơn, không có tua cuốn : 2 hạt trơn, có tua cuốn : 1 hạt nhăn, có tua cuốn.

Kết quả này được giải thích như thế nào?

- A. Từng cặp tính trạng đều phân li theo tỉ lệ 3 : 1
- B. Hai cặp tính trạng di truyền liên kết
- C. Hai cặp tính trạng di truyền độc lập với nhau
- D. Di truyền theo quy luật Mendel

6. Hiện tượng mỗi gen quy định một tính trạng mà kết quả tạo nên mỗi số tính trạng luôn di truyền cùng với nhau. Đó là hiện tượng di truyền

- A. liên kết gen. C. phân li độc lập.
- B. hoán vị gen. D. liên kết với giới tính.

Câu 2 (2 điểm)

Chọn từ, cụm từ phù hợp trong số những từ và cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Ở động vật, các tinh bào bậc 1 qua hai lần phân bào giảm phân tạo ra.....(1).....các tế bào con phát triển thành...(2)....Có hình dạng, kích thước....(3).... Các noãn bào bậc 1 qua hai lần phân bào giảm phân tạo ra 1

trứng và 3 thể cực có kích thước.....(4)...

- A. khác nhau
- B. các tinh trùng
- C. giống nhau
- D. 4 tế bào con

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Quá trình tạo tinh trùng với quá trình tạo trứng có điểm gì khác nhau?

Câu 2 (2,5 điểm)

Cơ chế nào đảm bảo cho bộ NST thể của loài ổn định?

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

1	2	3	4	5	6
B	C	D	A	B	A

Câu 2 (3 điểm)

1	2	3	4
D	B	C	A

II. Phần tự luận (5 điểm)**Câu 1. (2,5 điểm)**

Tạo tinh trùng	Tạo trứng
<p>Giai đoạn sinh trưởng ngắn, lượng vật chất tích lũy ít, tế bào sinh tinh có kích thước bé</p> <p>Một tế bào sinh tinh trùng kết thúc giảm phân tạo ra 4 tinh trùng</p> <p>Tinh trùng có kích thước bé, gồm 3 phần: đầu, cổ, đuôi.</p>	<p>Giai đoạn sinh trưởng dài, vật chất tích lũy nhiều, tế bào sinh trứng có kích thước lớn.</p> <p>Một tế bào sinh trứng kết thúc giảm phân chỉ tạo được 1 tế bào trứng chín và 3 thể định hướng đều có bộ NST đơn bội</p> <p>Trứng có kích thước lớn, có dạng hình cầu, lượng tế bào chất nhiều.</p>

Câu 2. (2,5 điểm)

Cơ chế đảm bảo cho bộ NST ổn định:

Ở các loài sinh sản hữu tính, bộ NST được duy trì ổn định từ thế hệ này thế hệ khác nhờ sự kết hợp 3 quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

Ở các loài sinh sản sinh dưỡng, bộ NST của loài được duy trì bởi cơ chế nguyên phân mà thực chất là sự nhân đôi của NST, kết hợp với cơ chế phân chia đồng đều các crômatit trong từng NST kép đi về 2 cực của tế bào, đã tạo lại các tế bào con có bộ NST $2n$ ổn định.

8. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 8**TRƯỜNG THCS TRƯƠNG VƯƠNG****ĐỀ THI GIỮA HK1****MÔN: SINH HỌC 9**

NĂM HỌC: 2019-2020

THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Một gen có A = T = 100 nuclêôtit, G = X = 300 nuclêôtit. Số nuclêôtit của gen này là

- A. N = 400 nuclêôtit
- B. N = 800 nuclêôtit.
- C. N = 1200 nuclêôtit
- D. N = 600 nuclêôtit.

2. Gen là gì?

- A. Một đoạn của phân tử ADN có chức năng di truyền xác định.
- B. Một đoạn ARN chứa thông tin quy định cấu trúc của 1 loại prôtêin.
- C. Một đoạn ADN thực hiện chức năng tổng hợp ARN vận chuyển hay ARN ribôxôm.
- D. Một đoạn ARN thực hiện chức năng điều hoà.

3. Quá trình tự nhân đôi ADN có ý nghĩa gì?

- A. Là cơ sở cho sự tự nhân đôi của ARN.
- B. Là cơ sở cho tổng hợp prôtêin.
- C. Là cơ chế duy trì cấu trúc đặc trưng của ADN ổn định qua các thế hệ tế bào của 1 cơ thể và qua các thế hệ sinh vật của loài.
- D. Cả A, B và C.

Câu 2. (1,5 điểm) Ghép nội dung ở cột 1 với cột 2 cho phù hợp và ghi kết quả ghép vào cột 3.

Cột 1	Cột 2	Cột 3
I. ADN	A. Đơn phân là axit amin	1.....
2. NST	B. Đơn phân là nuclêôtit	2.....
3. Prôtêin	C. Đơn phân là nuclêôxôm	3.....

Câu 3 (2 điểm) Chọn câu đúng, câu sai trong các câu sau:

Câu	Đúng	Sai

<p>1. Prôtêin được tạo nên bởi 20 loại axit amin khác nhau.</p> <p>1. Với 20 loại axit amin có thể tạo nên vô số loại prôtêin khác nhau.</p> <p>2. Mỗi phân tử prôtêin không khác nhau về số lượng, thành phần và trình tự các axit amin cũng như cấu trúc không gian của nó.</p> <p>3. Prôtêin được xem là thành phần quan trọng nhất của cơ thể sống.</p>		
---	--	--

II. Phân tự luận (5 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm): ADN và mARN có điểm gì khác nhau?

Câu 2 (2,5 điểm): Yếu tố nào tham gia vào quá trình tổng hợp ADN?

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm)

1	2	3
B	A	C

Câu 2 (1,5 điểm)

1	2	3
B	C	A

Câu 3 (2 điểm)

1	2	3	4
---	---	---	---

Đ	Đ	S	Đ
---	---	---	---

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm) Khác nhau về cấu trúc giữa ADN và mARN:

ADN	mARN
<ul style="list-style-type: none"> - Có kích thước và khối lượng rất lớn - Có cấu trúc mạch kép - Có 4 loại nuclêôtit là : A, T, G, X - Trong mỗi nuclêôtit có đường đêôxiribôzơ ($C_5H_{10}O_4$) - Liên kết hoá trị trên mạch đơn của ADN là liên kết được hình thành giữa đường $C_5H_{10}O_4$ của nuclêôtit này với phân tử H_3PO_4 của nuclêôtit bên cạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có kích thước và khối lượng bé - Có cấu trúc mạch đơn - Có 4 loại nuclêôtit là : A, U, G, X - Trong mỗi nuclêôtit có đường ribôzơ ($C_5H_{10}O_5$) - Liên kết hoá trị trên mạch mARN là liên kết được hình thành giữa đường $C_5H_{10}O_5$ của nuclêôtit này với phân tử H_3PO_4 của nuclêôtit bên cạnh.

Câu 2 (2,5 điểm)

- ADN mẹ: làm khuôn mẫu, tổng hợp nên các ADN con.
- Các loại enzym: nới lỏng vòng xoắn thứ cấp của NST, mở xoắn chuỗi xoắn kép, nối các đoạn ADN (đoạn Okazaki) thành phân tử ADN.
- Nguồn nguyên liệu: Các nuclêôtit sau khi được hoạt hoá bằng năng lượng ATP được sử dụng để tổng hợp phân tử prôtêin.
- ATP: cung cấp năng lượng cho các quá trình.

9. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 9

TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ I

MÔN: SINH HỌC – 9

NĂM HỌC: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

A. Trắc nghiệm(3đ)

Câu 1: Phép lai nào sau đây cho kết quả ở con lai không đồng tính:

A. P: Bb x bb.

B. P: BB x BB.

C. P: BB x bb.

D. P: bb x bb.

Câu 2: Trong trường hợp trội không hoàn toàn, kiểu gen nào dưới đây sẽ biểu hiện kiểu hình trung gian là:

- A. Aa. B. Aa và aa. C. Aa và AA. D. AA, Aa và aa.

Câu 3: Kết thúc lần phân bào I của giảm phân, bộ NST có trong mỗi tế bào con là:

- A. Bộ đơn bội ở trạng thái đơn. B. Bộ đơn bội ở trạng thái kép.
C. Bộ lưỡng bội ở trạng thái đơn. D. Bộ lưỡng bội ở trạng thái kép.

Câu 4: Một đoạn mạch đơn của phân tử AND có trình tự các nuclêôtit là: ATGXGTXXA thì đoạn mạch bổ sung với nó có thứ tự:

- A. TTAGXXATT. B. TAXGXAGGT.
C. AATXGAXXT. D. AATTGXTXG.

Câu 5: Ở chuột đuôi cong trội hoàn toàn so với đuôi thẳng:

Cho lai chuột đuôi cong với chuột đuôi thẳng F_1 thu được:

- A. Toàn đuôi cong B. Toàn đuôi thẳng
C. 3 đuôi cong: 1 đuôi thẳng D. 1 đuôi cong: 1 đuôi thẳng

Câu 6: Tính đặc trưng của nhiễm sắc thể là gì ?

- A. Tế bào củ mỗi loài sinh vật có một bộ NST đặc trưng (Với số lượng và hình thái xác định).
B. Bộ NST đặc trưng được di trì ổn định qua các thế hệ .
C. NST biến đổi qua các kỳ của quá trình phân bào .
D. Cả a và b .

Câu 7: Phép lai phân tích dùng để:

- A. Xác định KG lặn B. Xác định KG trội
C. Xác định KG bố D. Xác định KG mẹ

Câu 8: Tại sao tỷ lệ con trai và con gái sơ sinh trên diện rộng xấp xỉ là 1:1

- A. Do số giao tử đực bằng số giao tử cái
B. Do 2 loại giao tử mang NST X và NST Y có số lượng tương đương
C. Do số con trai bằng số con gái
D. Do xác suất thụ tinh của 2 loại giao tử đực (mang NST X và NST Y) là tương đương.

Câu 9: Theo NTBS thì về mặt số lượng đơn phân, những trường hợp nào sau đây là đúng?

- A. $A + G = T + X$ B. $A + T + G = A + T + X$
C. $A = T ; G = X$ D. Cả a, b, c đều đúng

Câu 10: Hãy chọn từ điền vào chỗ trống cho phù hợp.

ARN được tổng hợp dựa trên là một mạch của gen và diễn ra theo Do đó, trình tự các trên mạch khuôn của gen quy định trình tự các nuclêôtit trên mạch ARN.

B. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Trình bày nội dung của phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel.

Câu 2: (1 điểm) Thế nào là di truyền liên kết ?

Câu 3: (1 điểm) Một đoạn mạch ARN có trình tự các nuclêôtit như sau

- A - U - G - X - X - G - A - U - G -

Xác định trình tự các nuclêôtit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn mạch ARN trên?

Câu 4: (1,5 điểm) Ở chuột tính trạng lông nâu là trội hoàn toàn so với tính trạng lông đen. Khi cho chuột lông nâu thuần chủng lai với chuột lông đen thuần chủng thu được F1.

Hãy biện luận và lập sơ đồ lai từ P đến F1?

Câu 5: (2 điểm) Một gen có chiều dài là $5100A^0$ trong đó số nu loại A chiếm tỉ lệ 30%

a. Tìm có Nu mỗi loại của phân tử ADN trên

b. Tính số aa mà phân tử ADN trên tổng hợp được

ĐÁP ÁN

A. Trắc nghiệm(3đ) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	A	A	B	B	A	D	B	D	D

Câu	10		
Đáp án	khuôn mẫu	Nguyên tắc bổ sung	Nuclêôtit

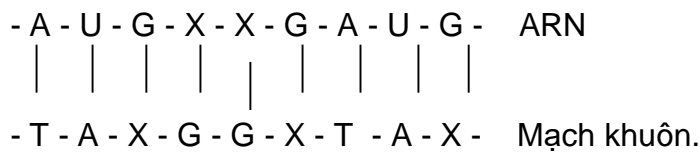
B. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Nội dung hương pháp nghiên cứu của Mendel:

- Tiến hành lai các cặp bố mẹ thuần chủng về một hoặc một số cặp tính trạng nào đó, rồi theo dõi sự di truyền riêng rẽ của từng cặp tính trạng đó trên con cháu của từng cặp bố mẹ. (1 điểm)

- Dùng toán thống kê để phân tích số liệu thu được. từ đó rút ra quy luật (0,5 điểm)

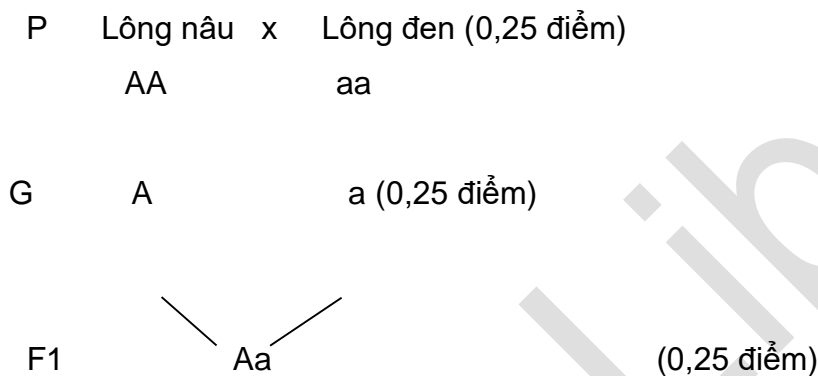
Câu 2: (1 điểm) Di truyền liên kết là hiện tượng một nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau được quy định bởi các gen trên một NST, cùng phân li trong quá trình phân bào.

Câu 3: (1 điểm)**Câu 4: (1,5 điểm)**

Tính trạng lông nâu là trội có kiểu gen AA (0,25 điểm)

Tính trạng lông đen là lặn có kiểu gen aa (0,25 điểm)

Sơ đồ lai



F1 100% lông nâu có kiểu gen Aa (0,25 điểm)

Câu 5: (2 điểm)

a. Số nu của một loại

- Tổng số nu của gen là

$$5100 \times 2/3,4 = 3000 \text{Nu} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

- Số lượng từng loại Nu là

$$A = T = 3000 \times 30\% / 100\% = 900 \text{Nu} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$G = X = 3000 / 2 - 900 = 600 \text{Nu} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

b. – Số aa mà phân tử ADN trên tổng hợp được (0,25 điểm)

Tổng hợp aa trên 1 mạch (0,25 điểm)

Cứ 3 nu tổng hợp được 1aa (0,25 điểm)

-> số aa tổng hợp được là:

$$3000 / 2 \times 3 = 500 \text{aa} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

10. Đề thi giữa HK1 Sinh 9 số 10

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH 9

NĂM HỌC: 2019-2020

THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Hoàn thành bảng sau về cấu trúc và chức năng của các đại phân tử.

Đại phân tử	Cấu trúc	Chức năng
ADN (gen)		
ARN		
Prôtêin		

Câu 2 (2,5 điểm): Di truyền liên kết có ý nghĩa gì?

II. Phần trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

1. Thế nào là phương pháp phân tích cơ thể lai?

- A. Lai các cặp bố mẹ thuần chủng và phân tích sự di truyền các tính trạng ở đời con.
- B. Lai các cặp bố mẹ thuần chủng khác nhau về một vài cặp tính trạng tương phản rồi phân tích kết quả thu được bằng toán thống kê xác suất để tìm quy luật di truyền của các tính trạng của bố mẹ ở đời con.
- C. Phân tích đồng thời các tính trạng của sinh vật.
- D. Là phương pháp lai phân tích.

2. Giống thuần chủng là giống gồm:

- A. Những cá thể có tính di truyền đồng nhất và ổn định.
- B. Những cá thể mà khi chúng giao phối với nhau sinh con mang những đặc điểm hoàn toàn giống bố mẹ.
- C. Những cá thể mang kiểu gen đồng hợp (trội hay lặn).
- D. Những cá thể mang kiểu gen dị hợp.

3. Thế nào là hiện tượng trội không hoàn toàn?

- A. Là hiện tượng khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F1 biểu hiện tính trạng trung gian giữa bố và mẹ.

B. Là hiện tượng khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì gen C. trội át không hoàn toàn gen lặn.

C. Là hiện tượng khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời

con lai f1 biểu hiện tính trạng của một bên bố hoặc mẹ.

D. Là hiện tượng khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời

con lai f1 biểu hiện phân tính.

5. Trong nguyên phân, NST dẫn xoắn (dạng sợi mảnh) ở:

A. Kì đầu B. Kì cuối

C. Kì sau D. Kì giữa

6. Yếu tố quy định tính đặc thù của ADN là gì?

A. Số lượng nuclêôtit

B. Thành phần các loại nuclêôtit

C. Trình tự sắp xếp các loại nuclêôtit

D. Cả A và C

Câu 2 (1 điểm) chọn từ, cụm từ phù hợp trong số các từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Trong thí nghiệm của Mendel về lai hai cặp tính trạng đậu hạt vàng, vỏ trơn với đậu hạt xanh, vỏ nhăn thì sự di truyền của cặp tính trạng vàng, xanh không phụ thuộc vào sự di truyền của cặp tính trạng(1)....vì các cặp tính trạng.....(2).... .

A. Vàng, trơn

B. Trơn, nhăn

C. Di truyền liên kết

D. Phân li độc lập

Câu 3 (1,5 điểm) chọn từ, cụm từ phù hợp trong số những từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau:

Ở kì giữa của nguyên phân, mỗi NST gồm 2 crômatit gắn với nhau ở(1).....chia nó thành hai cánh. Ở kì sau, các NST kép tách thành.....(2)....và đi về..... (3).....

2 cực của tế bào

Tâm động

2 NST đơn

ĐÁP ÁN**I. Phần tự luận (5 điểm)****Câu 1 (2,5 điểm)**

Đại phân tử	Cấu trúc	Chức năng
ADN (gen)	Chuỗi xoắn kép, 4 loại nuclêôtit A, T, G, X	Lưu trữ thông tin di truyền; truyền đạt thông tin di truyền.
ARN	Chuỗi xoắn đơn, 4 loại nuclêôtit A, U, G, X	Truyền đạt thông tin di truyền ; vận chuyển axit amin ; tham gia cấu trúc ribôxôm
Prôtêin	Một hay nhiều chuỗi đơn, 20 loại axit amin	Cấu trúc các bộ phận của tế bào ; enzym xúc tác quá trình trao đổi chất; hoocmôn điều hoà quá trình trao đổi chất ; vận chuyển, cung cấp năng lượng.

Câu 2 (2,5 điểm)

Trong tế bào, số lượng gen lớn hơn số lượng NST rất nhiều, vì vậy mỗi NST phải mang nhiều gen, phân bố theo chiều dài của nó và tạo thành nhóm. Gen liên kết.

Số nhóm liên kết ở mỗi loài thường ứng với số NST trong bộ đơn bội (n) của loài.

Di truyền liên kết đảm bảo sự di truyền bền vững của từng nhóm tính trạng được quy định bởi các gen trên một NST, nhờ đó trong chọn giống người ta có thể chọn được những nhóm tính trạng tốt luôn đi kèm với nhau.

II. Phần trắc nghiệm (5 điểm)**Câu 1 (2,5 điểm)**

1	2	3	4	5
B	A	A	C	C

Câu 2 (1 điểm)

1	2
B	D

Câu 3 (1,5 điểm)

1	2	3
B	C	A

www.eLib.vn